TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: **53**/2020/DS-PT
Ngày: 13/5/2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Phượng

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Hải; bà Phạm Thị Minh Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Hồng Nhớ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Bà Lương Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 3 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 277/2019/DS-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 80/2020/QĐPT-DS ngày 17 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn Y, sinh năm 1950, cư trú: Số 33/2, tổ 10, ấp T 3, thị trấn P, huyện P Tân, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1949; bà Phạm Thị L, sinh năm 1962, cùng cư trú: ấp L, xã Long Đ , huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị L là ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1949 (*Văn bản ủy quyền ngày 18/10/2019*).

(Tại phiên tòa có mặt ông Y và ông L)

Người kháng cáo: Bà Phạm Thị L – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm

Nguyên đơn Trần Văn Y trình bày: Giữa ông với ông L, bà L là chỗ

bạn bè quen biết, ông L có nhu cầu cất nhà ở nên có hỏi vay tiền của tôi nhiều lần, cụ thể: Ngày 18/12/2016 vay của ông số tiền 30.000.000đ. Ngày 26/4/2018 vay của ông số tiền 45.000.000đ. Ngày 18/5/2018, ông L bà L có vay của ông số tiền 150.000.000 đồng. Tổng cộng ông L bà L vay của ông 225.000.000 đồng. Việc cho vay tính lãi suất 2,5%. Từ ngày vay đến nay thì ông L bà L không đóng lãi, chưa trả vốn vay cho ông. Việc vay tiền có làm biên nhận do ông L tự viết và ký tên biên nhận. Giữa ông L bà L là vợ chồng hiện còn sống chung với nhau, ông L bà L vay tiền của ông để cất nhà ở tại ấp L 2, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. Khi vay tiền của ông thì ông L có giao cho ông 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05587 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 24/4/2017 do ông Nguyễn Văn L đứng tên để làm tin. Đối với biên nhận nợ ngày 26/4/2018 số tiền 45.000.000đ và phần lãi theo biên nhận nợ 30.000.000 đồng ngày 18/12/2016 ông không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Ông yêu cầu cầu ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền vay 180.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật với số tiền 150.000.000 đồng theo biên nhận ngày 18/5/2018 đến ngày Tòa án xét xử. Khi nào ông L trả nợ xong thì ông Y phải trả lại cho ông L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên Tòa sơ thẩm, ông Y yêu cầu cầu ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền vay 180.000.000 đồng. Đối với yêu cầu tính lãi ông Y chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị L trả cho ông 20.000.000 đồng. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH05587 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp ngày 24/4/2017 cho ông Nguyễn Văn L, ông chỉ giữ làm tin. Nay ông tự nguyện trả cho ông L.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L, bà Phạm Thị L cùng trình bày: Thừa nhận có vay tiền của ông Y hiện còn nợ số tiền vay của ông Y là 180.000.000 đồng và yêu cầu không tính lãi và phần lãi trước không tranh chấp nếu ông Trần Văn Y yêu cầu tính lãi thì ông L yêu cầu Tòa án xem xét các lần đóng lãi trước cho ông Y. Ngày 18/02/2016 đến ngày 08/5/2018 có trả tiền lãi cho ông Y 71.200.000 đồng. Từ ngày 08/5/2018 đến nay ông L và bà L không đóng lãi và cũng không trả vốn.

Tại phiên Tòa sơ thẩm, ông L đồng ý trả cho ông Y số tiền vốn 180.000.000 đồng và trả thêm số tiền lãi là 20.000.000 đồng.

Tại Bản án sơ thẩm số 277/2019/DS-ST ngày 18/11/2019 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Y đối với ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị L.

Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Văn Y số tiền vốn 180.000.000 đồng và số tiền lãi 20.000.000 đồng. Tổng cộng: 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng).*

Kể từ ngày 29/11/2019, ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi

suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 cho đến khi ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị L thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn Y về việc giao trả cho ông Nguyễn Văn L Giấy chứng nhận quyền sử dụng số CH05587 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 24/4/2017 cho ông Nguyễn Văn L.

- Án phí dân sự sơ thẩm: 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)* bà Phạm Thị L phải chịu.

Ông Trần Văn Y là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải hoàn tiền tạm ứng án phí cho ông Y.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/12/2019 bà Phạm Thị L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét miễn giảm tiền án phí cho bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà Phạm Thị L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung tranh chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông L trình bày: Vì bà L bị bệnh và đã quá tuổi lao động nên không làm được gì để có thu nhập, xin HĐXX phúc thẩm xem xét miễn giảm tiền án phí cho bà.

- Ông Trần Văn Y không có ý kiến đối với yêu cầu kháng cáo của bà Lang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bà Phạm Thị L là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quyđịnh của Bộ Luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, xử: Chấp nhận kháng cáo của bà L. Sửa bản án sơ thẩm số 277/2019/DS-ST ngày 18/11/2019 của Toà án nhân dân huyện C. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Y đối với số tiền 45.000.000 đồng. Bà Phạm Thị L phải chịu án phí DSST là 2.500.000 đồng. Các phần còn lại của bản án sơ thẩm giữ nguyên. Bà Phạm Thị L không phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận. Bà L được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị L kháng cáo trong hạn luật định và có đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên được Hội đồng xét xử giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà L, thấy: Căn cứ theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí gồm: "*Trẻ em; cá nhân thuộc hộ nghèo, cận nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ*". Bà L có đơn xin miễn giảm án phí hoàn cảnh khó khăn được địa phương xác nhận nên HĐXX phúc thẩm chấp nhận giảm ½ án phí dân sự sơ thẩm cho bà.

[3] Đối với số tiền mà ông L và bà L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Văn Y là 200.000.000 đồng (trong đó vốn vay 180.000.000 đồng và lãi 20.000.000 đồng). Án phí được quy định là 5% trên số tiền 200.000.000 đồng tức ông L và bà L phải chịu 10.000.000 đồng tiền án phí. Tại phần nhận định của Bản án sơ thẩm có nêu rõ ông L là người cao tuổi, tuy ông không có đơn xin miễn, giảm án phí nhưng về nguyên tắc có lợi, Hội đồng xét xử vẫn áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để xem xét miễn án phí cho ông L. Bà L không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí nên phải chịu án phí theo quy định là có căn cứ. Nhưng cấp sơ thẩm buộc bà L phải chịu 10.000.000 đồng án phí là không phù hợp. Ông L thuộc đối tượng được miễn án phí thì phải trừ phần án phí mà đáng ra ông Luận phải thực hiện. Do đó, án phí mà bà L phải chịu chỉ tính bằng ½ của 10.000.000đồng là 5.000.000đồng mà cấp sơ thẩm đã quyết định. Bà L kháng cáo xin giảm án phí đã được HĐXX phúc thẩm xem xét chấp nhận nên số tiền án phí bà L phải chịu là 2.5000.000 đồng. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm về án phí như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Bên cạnh đó, đối với biên nhận nợ ngày 26/4/2018 số tiền 45.000.000đ và phần lãi theo biên nhận nợ 30.000.000 đồng ngày 18/12/2016 ông L không còn yêu cầu giải quyết trong vụ án này thì cần phải đình chỉ đối với yêu cầu này của ông L, nhưng cấp sơ thẩm chưa quyết định nội dung tại tại bản án là thiếu sót. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Y cũng trình bày, xác định đã rút yêu cầu đối với số tiền vay 45.000.000 đồng, vì số tiền này là con của ông L vay và ông L chỉ là người ký tên bảo lãnh cho con. Vì vậy, cấp phúc thẩm sẽ bổ sung thêm nội dung đình chỉ yêu cầu này của ông Y tại phần Quyết định.

[5] Về án phí: Bà L không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị L.

- Sửa bản án sơ thẩm số 277/2019/DS-ST ngày 18/11/2019 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang, cụ thể:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Y đối với số tiền 45.000.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị L phải chịu 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm được giữ nguyên có hiệu lực pháp luật.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm được nhận lại 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0007621 ngày 11/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lâm Ngọc Phượng

Nơi nhận:
- TAND cấp cao (1)
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- TAND H. C (1)
- THA H. C (1)
- Tòa GĐ & NCTN (2)
- Văn phòng Tòa án tỉnh AG (1)
- Phòng KTNV & THA tỉnh AG (1)
- Đương sự "Để thi hành";
- Lưu: Hồ sơ.